TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:14/2023/HNGĐ - ST Ngày: 10-02-2023 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Thị Luân**
2. Bà **Trần Thị Hằng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Phan Trọng Thắng** – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 438/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc: "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXX - ST ngày 09 tháng 12 năm 2022; thông báo hoãn phiên tòa số 01/2022 ngày 22/12/2022; quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX - ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Thế N ,** sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn H, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Mai P** , sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Cả nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Trần Thế N trình bày: Anh và chị Lê Thị Mai P xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/12/2015. Quá trình chung

sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường hay cãi nhau. Tuy đã áp dụng nhiều biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay. Vì vậy, anh N yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh N xác định anh và chị P có 02 người con chung là Trần Lê Đông Nghi, sinh ngày 25/12/2015; Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 13/11/2017. Khi ly hôn anh đề nghị giao cả 02 con chung cho chị Lê Thị Mai P có trách nhiệm được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai bị đơn chị Lê Thị Mai P trình bày: Chị và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/12/2015. Từ khi cưới về thì vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng không thông cảm và hiểu cho nhau, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung khiến mâu thuẫn gia đình thêm trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân nhau một thời gian, nay Anh N yêu cầu ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Về con chung: Chị P xác định chị và anh N có 02 người con chung là Trần Lê Đông Nghi, sinh ngày 25/12/2015; Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 13/11/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N và chị P đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Trần Thế N . Giao cả 02 con chung cho chị Lê Thị Mai P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thế N và bị đơn Chị Lê Thị Mai P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt anh N và chị P theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị P xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/12/2015. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy đã áp dụng nhiều biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân được một năm nay. Tại phiên tòa, anh N và chị P vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai anh N xác định do anh và chị P bất đồng quan điểm nên thường hay cãi nhau và đã tự sống ly thân, Anh N xác định không còn tình cảm với chị P và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Tại bản tự khai tại Tòa án chị P trình bày về quan hệ hôn nhân như anh N trình bày là đúng, nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, do không tìm được tiếng nói chung nên hai vợ chồng đã tự sống ly thân với nhau, nay anh N yêu cầu ly hôn với chị P thì chị cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị P phát sinh là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng lại thiếu sự thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã tự sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân các đương sự không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh N, xử cho anh N và chị P được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh N và chị P có 02 người con chung là Trần Lê Đông Nghi, sinh ngày 25/12/2015; Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 13/11/2017. Khi ly hôn Anh N đề nghị giao cả 02 con chung cho chị P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục anh không cấp dưỡng nuôi con. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi hai anh chị sống ly thân đến nay cả 02 con chung đều ở với chị P và chị P vẫn chăm sóc các con rất tốt. Vì vậy để tránh làm xáo trộn tâm lý của trẻ khi bố mẹ ly hôn nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao các con chung cho chị P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị P xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc anh N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vân phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Thế N , xử cho anh Trần Thế N và chị Lê Thị Mai P được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cả 02 con chung là Trần Lê Đông Nghi, sinh ngày 25/12/2015; Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 13/11/2017 cho chị Lê Thị Mai P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Trần Thế N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0010801 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, Anh N đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã Tân Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn